

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Ông Nguyễn Kim Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Trầu Hôi A, xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp Trầu Hôi A, xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà N trình bày: Bà và ông L tiến đến hôn nhân năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2005. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình ông L thay đổi và có người phụ nữ khác bên ngoài và hiện tại ông L đã đi theo người phụ nữ khác, khiến hôn nhân rơi vào trầm trọng, không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân. Nay, nhận thấy hôn nhân không đạt được nên làm đơn được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Thị Minh Trang (nữ), sinh ngày 16/8/2005, Nguyễn Thị Minh Thư (nữ), sinh ngày 08/7/2007 và Nguyễn Minh Thông (nam), sinh ngày 10/02/2012. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân bà N và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân, nay bà N yêu cầu ly hôn với ông L, ông L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Về con chung, bà Huyền và ông Hiền có 03 con chung Nguyễn Thị Minh Trang (nữ), sinh ngày 16/8/2005, Nguyễn Thị Minh Thư (nữ), sinh ngày 08/7/2007 và Nguyễn Minh Thông (nam), sinh ngày 10/02/2012. Từ khi ly thân đến nay các con chung đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và các con chung cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ nên nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N chưa yêu cầu nên ông L chưa phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có, ông L chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà N và ông L do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L, do ông L có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt, bị đơn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa bà N và ông L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình ông L thay đổi và có người phụ nữ khác bên ngoài và hiện tại ông L đã đi theo người phụ nữ khác nên hôn nhân không còn hạnh phúc và đã ly thân. Từ khi ly thân đến nay bà N và ông L không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi bà N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía ông L vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân của ông, bà đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Thị Minh Trang (nữ), sinh ngày 16/8/2005, Nguyễn Thị Minh Thư (nữ), sinh ngày 08/7/2007 và Nguyễn Minh Thông (nam), sinh ngày 10/02/2012. Từ khi ly thân đến nay con chung đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và các con chung có nguyện vọng sống cùng mẹ nên nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trang, Thư và Thông cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N chưa yêu cầu nên ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, ông L chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết 02 vấn đề này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Minh Trang (nữ), sinh ngày 16/8/2005, Nguyễn Thị Minh Thư (nữ), sinh ngày 08/7/2007 và Nguyễn Minh Thông (nam), sinh ngày 10/02/2012 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông L không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0012360 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà N đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại nơi cư trú.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á

